



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 5500154060 ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 6 tháng 2 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Hải Nam	Thành viên
Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Lê Hoàng Minh	Thành viên
Ông Hoàng Văn Chất	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hải Nam	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Huy Bích	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thái Thoại Trân	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Hải Hoài Anh	Thành viên (từ ngày 23/4/2025)
Ông Phạm Quang Thùy	Thành viên (đến ngày 23/4/2025)

Trụ sở đăng ký

Số 912 Đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên
Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Sơn La, 14-08-2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00186-25-1



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.191.805.559.725	2.114.926.082.075
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	75.174.424.655	36.267.752.726
Tiền	111		75.174.424.655	36.267.752.726
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.580.000.000.000	1.603.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	1.580.000.000.000	1.603.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.311.687.292	287.023.894.347
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	240.829.797.592	206.655.644.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.024.889.026	29.914.356.101
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	53.612.100.674	50.608.993.416
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(155.100.000)	(155.100.000)
Hàng tồn kho	140	12	212.366.721.146	172.386.603.573
Hàng tồn kho	141		213.526.663.895	172.957.909.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.159.942.749)	(571.305.834)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.952.726.632	16.247.831.429
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	8.906.985.402	8.936.379.971
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		112.133.200	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	933.608.030	7.311.451.458

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		708.606.832.551	571.747.101.640
Các khoản phải thu dài hạn	210		90.000.000	90.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		90.000.000	90.000.000
Tài sản cố định	220		370.312.160.572	366.583.594.443
Tài sản cố định hữu hình	221	14	370.312.160.572	366.583.594.443
<i>Nguyên giá</i>	222		1.181.394.506.963	1.153.103.657.833
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(811.082.346.391)	(786.520.063.390)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.000.000.000	3.988.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.000.000.000)	(3.988.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		325.547.796.639	186.804.317.819
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	16.352.207.856	20.571.420.405
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	309.195.588.783	166.232.897.414
Đầu tư tài chính dài hạn	250		83.719.600	83.719.600
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		83.719.600	83.719.600
Tài sản dài hạn khác	260		12.573.155.740	18.185.469.778
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	12.573.155.740	18.185.469.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.900.412.392.276	2.686.673.183.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

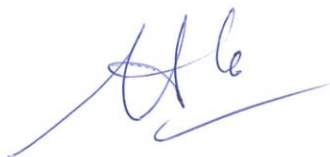
Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		594.069.534.795	381.489.560.745
Nợ ngắn hạn	310		590.727.407.417	377.611.942.836
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	178.136.841.394	164.836.148.894
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.731.891.530	3.210.506.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	43.351.682.699	6.259.234.239
Phải trả người lao động	314		12.112.748.924	15.816.061.759
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	97.022.795.484	60.266.712.690
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	3.437.709.834	1.638.920.711
Vay ngắn hạn	320	21	228.000.000.000	99.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	23.933.737.552	26.584.357.830
Nợ dài hạn	330		3.342.127.378	3.877.617.909
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	711.927.552	722.927.552
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	2.630.199.826	3.154.690.357
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.306.342.857.481	2.305.183.622.970
Vốn chủ sở hữu	410	24	2.306.342.857.481	2.305.183.622.970
Vốn cổ phần	411	25	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		817.274.340.000	817.274.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	148.775.592.768	148.775.592.768
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		240.292.924.713	239.133.690.202
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		129.133.690.202	151.204.995.150
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		111.159.234.511	87.928.695.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.900.412.392.276	2.686.673.183.715

14 -08- 2025

Người lập: 

Người duyệt: 



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

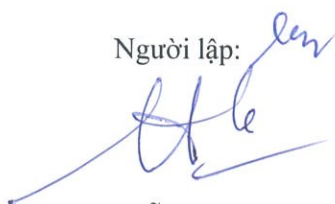
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.399.257.075.540	1.435.241.855.583
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	1.817.544.467	835.354.676
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.397.439.531.073	1.434.406.500.907
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.012.189.060.978	1.009.645.290.242
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		385.250.470.095	424.761.210.665
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	52.151.100.810	52.027.857.920
Chi phí tài chính	22		3.432.405.693	8.102.307
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.146.342.467	5.931.935
Chi phí bán hàng	25	32	271.328.707.045	333.383.827.626
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	19.320.496.031	18.073.569.424
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		143.319.962.136	125.323.569.228
Thu nhập khác	31	34	4.765.894.056	7.288.190.366
Chi phí khác	32	35	6.890.174.450	9.751.354.278
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(2.124.280.394)	(2.463.163.912)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		141.195.681.742	122.860.405.316
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	17.685.421.173	16.575.760.636
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		123.510.260.569	106.284.644.680
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.011	870

14-08-2025

Người lập:



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	141.195.681.742	122.860.405.316
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	34.152.287.543	33.486.197.791
Các khoản dự phòng	03	342.183.741	(1.151.451.208)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(38.975.811)	129.070
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(47.176.668.735)	(47.755.975.139)
Chi phí lãi vay	06	3.146.342.467	5.931.935
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	131.620.850.947	107.445.237.765
Biến động các khoản phải thu	09	(26.726.118.887)	49.226.426.286
Biến động hàng tồn kho	10	(51.385.170.724)	(73.256.747.787)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.442.859.980	(31.241.138.286)
Biến động chi phí trả trước	12	5.641.708.607	4.309.073.395
		67.594.129.923	56.482.851.373
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.885.324.525)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.508.155.003)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.107.211.669)	(24.520.617.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.093.438.726	31.962.233.655
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(93.944.147.380)	(33.299.686.300)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.619.909.025	5.158.511.174
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(905.000.000.000)	(1.118.100.000.000)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	928.000.000.000	1.087.863.539.600
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	44.137.471.558	115.045.925.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.186.766.797)	56.668.290.467

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	228.000.000.000	20.818.811.166
Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(110.000.000.000)	(110.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.000.000.000	(89.181.188.834)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	38.906.671.929	(550.664.712)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	36.267.752.726	55.218.492.333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(129.070)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	75.174.424.655	54.667.698.551

14-08-2025

Người lập: 

Người duyệt: 



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gồm:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến thức ăn gia súc;
- Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn gia súc;
- Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt;
- Bán buôn thuốc thú y;
- Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc;
- Sản xuất phân vi sinh;
- Bán buôn máy móc; thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt;
- Sản xuất và cung ứng giống bò;
- Chăn nuôi bò sữa, bò thịt;
- Bán lẻ vật tư thú y và thuốc thú y; và
- Bán lẻ hóa chất tẩy rửa máy móc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có một chi nhánh tại số 29, Đường Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội với hoạt động chính là bán và giới thiệu sản phẩm sữa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 725 nhân viên (1/1/2025: 772 nhân viên).

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 33 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 24 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ gia súc	4 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 12 đến 36 tháng.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 18 đến 36 tháng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kỳ báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động chủ yếu trên một bộ phận hoạt động kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ trực tiếp, công ty mẹ cấp cao nhất, và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm/kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm/kỳ trước.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	85.410.889	23.733.285
Tiền gửi ngân hàng	75.089.013.766	36.244.019.441
	75.174.424.655	36.267.752.726

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn
- Tiền gửi có kỳ hạn

30/6/2025		1/1/2025	
Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
1.580.000.000.000	1.580.000.000.000	1.603.000.000.000	1.603.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 13 tháng tại các ngân hàng trong nước, chịu lãi suất từ 6,2% đến 6,5%/năm (1/1/2025: từ 5% đến 6,5%/năm).

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	96.447.428.284	76.288.728.144
Các bên khác		
Các khách hàng khác	144.382.369.308	130.366.916.686
	240.829.797.592	206.655.644.830

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ cấp cao nhất không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu lãi tiền gửi	52.644.917.806	47.026.821.920
Trả hộ nhà cung cấp	-	3.240.000.000
Phải thu khác	967.182.868	342.171.496
	53.612.100.674	50.608.993.416

12. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND
Hàng mua			
đang đi đường	1.793.299.074	-	-
Nguyên vật liệu	127.550.414.528	(1.022.066.726)	126.336.259.823
Công cụ và dụng cụ	2.959.138.310	-	2.396.167.101
Chi phí sản xuất			
kinh doanh dở dang	8.997.847.553	-	13.173.851.768
Thành phẩm	71.765.034.583	(137.876.023)	29.148.313.545
Hàng hóa	460.929.847	-	1.903.317.170
	213.526.663.895	(1.159.942.749)	172.957.909.407
			(571.305.834)

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công cụ, dụng cụ	2.086.315.635	2.116.905.693
Chi phí quảng cáo	114.270.052	326.394.115
Chi phí sửa chữa xe vận tải, nhà cửa	2.376.507.775	3.960.225.668
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.329.891.940	2.532.854.495
	8.906.985.402	8.936.379.971

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	9.596.350.332	8.589.119.446	18.185.469.778
Tăng trong kỳ	209.804.545	91.534.259	301.338.804
Phân bổ trong kỳ	(3.564.828.517)	(2.348.824.325)	(5.913.652.842)
Số dư cuối kỳ	6.241.326.360	6.331.829.380	12.573.155.740

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Gia súc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	241.986.874.252	762.532.813.275	15.785.376.284	65.277.607.990	67.520.986.032	1.153.103.657.833
Tăng trong kỳ	-	2.364.731.944	169.800.000	1.248.148.148	-	3.782.680.092
Chuyển từ sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	15.042.756.242	15.042.756.242
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	464.427.207	22.399.797.865	1.390.000.000	-	-	24.254.225.072
Thanh lý	(343.275.000)	(2.163.923.711)	-	(1.631.651.800)	(10.649.961.765)	(14.788.812.276)
Số dư cuối kỳ	242.108.026.459	785.133.419.373	17.345.176.284	64.894.104.338	71.913.780.509	1.181.394.506.963
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	149.161.554.890	551.163.442.233	7.118.257.440	56.767.229.652	22.309.579.175	786.520.063.390
Khấu hao trong kỳ	8.121.767.268	17.715.458.127	1.398.552.023	1.207.312.394	5.709.197.731	34.152.287.543
Thanh lý	(343.275.000)	(2.163.923.711)	-	(1.631.651.800)	(5.451.154.031)	(9.590.004.542)
Số dư cuối kỳ	156.940.047.158	566.714.976.649	8.516.809.463	56.342.890.246	22.567.622.875	811.082.346.391
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	92.825.319.362	211.369.371.042	8.667.118.844	8.510.378.338	45.211.406.857	366.583.594.443
Số dư cuối kỳ	85.167.979.301	218.418.442.724	8.828.366.821	8.551.214.092	49.346.157.634	370.312.160.572

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 615.125 triệu VND (1/1/2025: 606.576 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi. Chi phí này sẽ được kết chuyển sang hạng mục gia súc của tài sản cố định hữu hình khi bò đủ mười sáu tháng tuổi (thời điểm bò sẵn sàng cho việc sản xuất sữa).

Biến động của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/06/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.571.420.405	11.324.330.731
Tăng trong kỳ	12.738.616.860	11.971.339.073
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.042.756.242)	(6.384.985.424)
Giảm khác	(1.915.073.167)	(2.144.179.037)
Số dư cuối kỳ	16.352.207.856	14.766.505.343

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/06/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	166.232.897.414	107.203.537.253
Tăng trong kỳ	167.396.515.922	18.017.642.610
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.254.225.072)	(7.042.038.996)
Chuyển sang hàng tồn kho	(179.599.481)	-
Số dư cuối kỳ	309.195.588.783	118.179.140.867

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4000 con	278.249.322.542	143.242.557.097
Nhà máy sữa công nghệ cao	27.895.118.548	5.582.119.748
Máy móc và các chi phí nâng cấp hệ thống	2.195.307.993	17.046.334.050
Các công trình khác	855.839.700	361.886.519
	309.195.588.783	166.232.897.414

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.524.144.988	1.798.622.554
Công ty mẹ trực tiếp		
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt nam – CTCP	79.940.156	75.036.732
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	-	3.313.830.000
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.380.000.000	1.913.700.000
Các bên khác		
Các hộ chăn nuôi	33.349.284.785	49.635.070.519
Các bên khác	139.803.471.465	108.099.889.089
	178.136.841.394	164.836.148.894

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	(7.311.160.362)	19.251.056.800	(37.820.576)	11.902.075.862
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	326.220.434	(326.220.434)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	79.955.989	(79.955.989)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.893.865.148	17.685.421.173	(6.508.155.003)	17.071.131.318
Thuế thu nhập cá nhân	346.912.351	3.366.592.263	(3.137.074.643)	576.429.971
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.046.013.210	(191.955.244)	12.854.057.966
Các loại thuế khác	18.165.644	176.277.017	(180.063.109)	14.379.552
	(1.052.217.219)	53.931.536.886	(10.461.244.998)	42.418.074.669

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(7.311.451.458)		(933.608.030)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.259.234.239		43.351.682.699
	(1.052.217.219)		42.418.074.669

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	51.747.504.236	51.185.677.775
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4000 con	34.773.128.272	-
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	1.883.463.666	3.303.111.497
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	2.119.914.048	404.671.001
Chi phí bảo dưỡng máy móc	1.687.064.148	1.688.350.678
Chi phí lãi vay	2.416.420.679	1.155.402.737
Chi phí vận chuyển	1.110.972.368	1.160.656.251
Các khoản trích trước khác	1.284.328.067	1.368.842.751
	97.022.795.484	60.266.712.690

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	939.643.402	137.779.822
Phải trả cán bộ, nhân viên	520.029.336	850.358.888
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.978.037.096	650.782.001
	3.437.709.834	1.638.920.711

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	389.327.552	400.327.552
Ký quỹ, ký cược dài hạn	322.600.000	322.600.000
	711.927.552	722.927.552

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	99.000.000.000	228.000.000.000	(99.000.000.000)	228.000.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, có thời hạn từ 3 đến 6 tháng, chịu lãi suất cố định và không có tài sản đảm bảo.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	26.584.357.830	43.203.674.236
Trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế	12.351.026.058	10.628.464.468
Sử dụng trong kỳ	(15.001.646.336)	(24.519.192.718)
Số dư cuối kỳ	23.933.737.552	29.312.945.986

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	3.154.690.357	3.288.699.006
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(418.925.198)	(83.441.376)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(105.565.333)	(1.425.000)
Số dư cuối kỳ	2.630.199.826	3.203.832.630

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	1.100.000.000.000	817.274.340.000	148.775.592.768	261.204.995.150	2.327.254.927.918
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	106.284.644.680	106.284.644.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(10.628.464.468)	(10.628.464.468)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(110.000.000.000)	(110.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	1.100.000.000.000	817.274.340.000	148.775.592.768	246.861.175.362	2.312.911.108.130
Số dư tại ngày 1/1/2025	1.100.000.000.000	817.274.340.000	148.775.592.768	239.133.690.202	2.305.183.622.970
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	123.510.260.569	123.510.260.569
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(12.351.026.058)	(12.351.026.058)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(110.000.000.000)	(110.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	1.100.000.000.000	817.274.340.000	148.775.592.768	240.292.924.713	2.306.342.857.481

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	110.000.000	1.100.000.000.000	110.000.000	1.100.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	1.100.000.000.000	110.000.000	1.100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	1.100.000.000.000	110.000.000	1.100.000.000.000

Vốn cổ phần của Công ty, chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	VND	%	VND	%
Các cổ đông				
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	652.299.710.000	59,30%	652.299.710.000	59,30%
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (*)	97.377.900.000	8,85%	97.377.900.000	8,85%
Các cổ đông khác	350.322.390.000	31,85%	350.322.390.000	31,85%
	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000	100%

(*) Công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua mức chia cổ tức của năm 2024 trị giá 220.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu), trong đó 110.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu) đã được tạm ứng trong tháng 12 năm 2024 theo Nghị quyết số 120/CV/GBS/2024 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng Quản trị.

Đồng thời trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng phê duyệt kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025 và giao cho Hội đồng Quản trị quyết định mức tạm ứng cổ tức cho năm 2025 và thời gian thanh toán cho từng đợt cổ tức.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	17.789.457.216	18.116.902.512
Từ hai đến năm năm	66.418.815.551	66.221.354.715
Trên năm năm	661.959.558.767	668.089.841.515
	746.167.831.534	752.428.098.742



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.342.495.884.564	1.396.655.728.764
▪ Doanh thu bán hàng hóa	56.259.223.385	38.187.655.116
▪ Doanh thu khác	501.967.591	398.471.703
	1.399.257.075.540	1.435.241.855.583
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.817.544.467)	(835.354.676)
Doanh thu thuần	1.397.439.531.073	1.434.406.500.907

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	959.899.589.571	975.184.115.940
▪ Hàng hóa đã bán	46.505.272.244	31.959.381.796
▪ Giá vốn khác	5.023.090.224	3.588.131.906
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	761.108.939	(1.086.339.400)
	1.012.189.060.978	1.009.645.290.242

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	49.755.567.444	49.754.435.574
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.332.373.752	2.256.820.242
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.183.803	16.602.104
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.975.811	-
	52.151.100.810	52.027.857.920

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.289.062.240	19.568.887.873
Chi phí nguyên vật liệu	41.629.207	16.404.980
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.426.118.696	3.684.105.471
Chi phí khấu hao	329.029.244	359.376.649
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	229.739.960.704	286.922.025.317
Chi phí mua ngoài	13.149.523.137	15.257.817.126
Chi phí bán hàng khác	5.353.383.817	7.575.210.210
	271.328.707.045	333.383.827.626

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.640.426.373	8.303.992.292
Chi phí vật liệu, công cụ	245.439.088	320.142.056
Chi phí khấu hao	646.014.240	656.725.779
Thuế, phí và lệ phí	1.702.185.246	1.356.736.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.392.536.863	4.853.856.754
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	(418.925.198)	25.128.624
Chi phí khác bằng tiền	2.112.819.419	2.556.987.460
	19.320.496.031	18.073.569.424

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.619.909.025	5.158.511.174
Các khoản khác	2.145.985.031	2.129.679.192
	4.765.894.056	7.288.190.366

35. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	5.198.807.734	7.156.971.609
Các khoản khác	1.691.366.716	2.594.382.669
	6.890.174.450	9.751.354.278

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	939.931.450.476	961.391.928.586
Chi phí nhân viên	65.769.702.488	66.740.371.322
Chi phí khấu hao	34.152.287.543	33.281.598.293
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	237.973.681.200	286.922.025.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác ngoài chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	49.142.373.240	48.652.987.537
Chi phí khác	13.548.376.991	25.338.700.707

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	17.071.131.317	16.384.105.746
Dự phòng thiếu năm trước	614.289.856	191.654.890
	17.685.421.173	16.575.760.636

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	141.195.681.742	122.860.405.316
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	28.239.136.348	24.572.081.063
Chi phí không được khấu trừ thuế	201.346.623	188.408.633
Thu nhập miễn thuế	(11.369.351.654)	(8.376.383.950)
Dự phòng thiếu năm trước	614.289.856	191.654.890
	17.685.421.173	16.575.760.636

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế ngày 12 tháng 2 năm 2015 (“Nghị định 12”), Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định 12 phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các khoản thu nhập khác của Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	123.510.260.569	106.284.644.680
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(12.351.026.058)	(10.628.464.468)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	111.159.234.511	95.656.180.212
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (Thuyết minh 38(b))	110.000.000	110.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.011	870

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	110.000.000	110.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	110.000.000	110.000.000

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	358.324.175.365	275.761.507.146
Mua hàng hóa	11.978.856.068	15.070.677.912
Thanh lý tài sản cố định	-	3.920.351.174
Cổ tức	9.737.790.000	9.737.790.000
Công ty mẹ trực tiếp		
<i>Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	390.532.924	383.322.343
Cổ tức	65.229.971.000	65.229.971.000
Các công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa	3.785.175.966	26.164.485.747
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	6.942.000.000	7.317.900.000
<i>Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i>		
Mua hàng hóa	111.288.000	126.926.875
<i>Công ty TNHH Chăn Nuôi Việt Nhật</i>		
Bán hàng hóa	116.253.525	-
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	914.705.000	1.122.073.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.001.987.141	1.815.309.907

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
30/6/2025	30/6/2024
VND	VND

Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong kỳ

- 23.642.600.000

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

14-08-2025

Người lập:



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

